

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BCĐ của Chính phủ về phát triển KHCN; ĐMST, CDS và Đề án 06 (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an; KH và CN;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Sở NN&MT các tỉnh, TP;
- Lưu: VT, CDS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Trung

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ về chuyển đổi số, Đề án 06; kế thừa kết quả triển khai Đề án 06 giai đoạn 2022 - 2025, đồng thời tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế trong xây dựng, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế số ngành nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Triển khai Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 (sau đây gọi tắt là Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030) tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo nguyên tắc “đồng bộ, liên thông, thống nhất”, bảo đảm 6 rõ “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

3. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; mọi nền tảng dùng chung, hệ thống thông tin, dịch vụ công trực tuyến hướng đến thuận tiện, dễ sử dụng, an toàn và dễ tiếp cận, góp phần giảm chi phí tuân thủ, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

4. Đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số ngành nông nghiệp và môi trường theo hướng hiện đại, an toàn, liên thông, bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ và mở rộng trong dài hạn; dữ liệu số ngành nông nghiệp và môi trường được hoàn thiện theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, tăng cường khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành theo thời gian thực; ưu tiên phát triển các nền tảng dùng chung, hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp, manh mún. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT), công nghệ chuỗi khối trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh.

5. Việc khai thác, kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu phải đúng mục đích, đúng thẩm quyền, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; đồng

thời tạo điều kiện phát triển nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, thử nghiệm mô hình, sản phẩm và dịch vụ số trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Thúc đẩy phát triển, kết nối, chia sẻ và ứng dụng dữ liệu số ngành nông nghiệp và môi trường gắn với dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử một cách mạnh mẽ, đồng bộ, toàn diện, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.

b) Đến năm 2030, hoàn thành các nền tảng số dùng chung thống nhất của ngành nông nghiệp và môi trường; cơ bản hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ, bảo đảm kết nối, chia sẻ đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Mục tiêu năm 2026:

- Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu đạt 50%.

- Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu đạt 50%.

- Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID đạt 50%.

- Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công đạt 80%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công đạt 95%.

- Tích hợp hệ thống Trung tâm điều hành thông minh với hệ thống Trung tâm dữ liệu dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành đạt 100%.

- Tỷ lệ các thủ tục hành chính, dịch vụ công được nộp hồ sơ “phi địa giới” đạt 100%.

- Phân cấp giải quyết TTHC để bảo đảm cấp Bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số TTHC thuộc lĩnh vực quản lý.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công đạt 60%.

- Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản đạt 100%.

b) Mục tiêu đến năm 2030:

- Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu đạt 80%.

- Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu đạt 80%.

- Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công đạt 90%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công đạt 80%.

(Chi tiết các chỉ tiêu thực hiện tại Phụ lục I kèm theo).

c) Tầm nhìn đến năm 2035:

Đến năm 2035, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng tới xây dựng ngành nông nghiệp và môi trường số hiện đại, thông minh, trong đó mọi hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và tương tác với người dân, doanh nghiệp được thực hiện trên môi trường số. Dữ liệu số của ngành được hoàn thiện, kết nối, chia sẻ đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành theo thời gian thực, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và phát triển bền vững.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình nghiệp vụ và các quy định kỹ thuật nhằm thúc đẩy phát triển dữ liệu số, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ để đề xuất sửa đổi, bổ sung, khuyến khích phát triển công dân số.

2. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và thủ tục hành chính theo hướng toàn trình, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cắt giảm giấy tờ, không yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có trong các CSDL quốc gia, chuyên ngành; thúc đẩy cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình dựa trên dữ liệu.

- Công bố các trường thông tin trong CSDL được khai thác và hướng dẫn phương thức, quy trình kết nối chia sẻ, khai thác, sử dụng để thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính.

- Tích hợp, khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc các lĩnh vực ngành nông nghiệp và môi trường.

- Nâng cấp, xây dựng hệ thống giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo cắt giảm theo mức độ hình thành, sẵn sàng của dữ liệu, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, ứng dụng VNeID.

3. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu

- Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ; bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Trung tâm dữ liệu quốc gia. Năm 2026, tập trung hoàn thành kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu được giao tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 11/NQ-CP và Nghị quyết số 214/NQ-CP; giai đoạn đến năm 2028 hoàn thiện, chuẩn hóa, tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hình thành nền tảng dữ liệu số thống nhất ngành nông nghiệp và môi trường, tiếp tục triển khai ứng dụng AI, bản sao số trên cơ sở dữ liệu ngành.

- Ban hành trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài.

4. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Nghiên cứu, ban hành danh mục nền tảng, sản phẩm số tích hợp, ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Phục vụ phát triển công dân số

- Tuyên truyền, triển khai các cơ chế khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến; Tổ chức các khóa đào tạo công dân số.

- Nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho toàn bộ công chức, viên chức trong Bộ, bảo đảm đội ngũ có khả năng sử dụng thành thạo các nền tảng, ứng dụng và hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi số; tổ chức, triển khai các chương trình đào tạo về kỹ năng số cơ bản, kỹ năng sử dụng dữ liệu và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trên nền tảng “Bình dân học vụ số”.

- Xây dựng, tích hợp các tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn trên nền tảng “Bình dân học vụ số”.

- Bố trí ngân sách ưu tiên hỗ trợ thiết bị phục vụ phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức. Tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách miễn giảm thuế, phí hỗ trợ người yếu thế.

6. Phục vụ công tác chỉ đạo điều hành

Hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), kết nối, chia sẻ thông tin về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

- Triển khai kết nối với hệ thống định danh điện tử, hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội để chi trả lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản chi trả khác của cơ quan nhà nước đến người dân.

- Đồng bộ dữ liệu có liên quan về hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ chi trả an sinh xã hội để phân tích, hoạch định chi trả và phòng chống tội phạm.

8. Bảo đảm an ninh mạng

- Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu; bảo đảm 100% hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của Bộ, đặc biệt là hệ thống thông tin quan trọng, trọng yếu, được giám sát an toàn thông tin, liên tục 24/7.

- Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng đối với các đơn vị chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh, xác thực điện tử.

9. Hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế về an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi số để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các tổ chức, quốc gia khác.

10. Kiểm tra, giám sát

- Phối hợp với Bộ Công an thực hiện kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các Bộ, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

- Kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại các Phiên họp Thường kỳ Chính phủ hàng tháng.

(Chi tiết các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Hằng năm, các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng dự toán kinh phí gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí theo quy định. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức quán triệt Kế hoạch tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động đơn vị mình.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 của đơn vị và phối hợp chặt chẽ với Cục Chuyển đổi số trong việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Báo cáo định kỳ hằng tháng (trước ngày 10 hàng tháng), 06 tháng, hằng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ; gửi Cục Chuyển đổi số để tổng hợp chung; đồng gửi Vụ Pháp chế, Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp đối với những nhiệm vụ được giao theo dõi, báo cáo.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch; Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chuyển đổi số; bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Cục Chuyển đổi số

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá việc triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trong toàn Bộ; bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ và yêu cầu.

- Định kỳ, đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Tổ Công tác triển khai Đề án 06, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ theo yêu cầu.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố

Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành về nông nghiệp và môi trường.

Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch, các đơn vị kịp thời phản ánh về Cục Chuyển đổi số để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

Phụ lục I**MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Mục tiêu		Đơn vị chủ trì theo dõi, báo cáo
			Năm 2026	Năm 2030	
1	Tỷ lệ dịch vụ công, thủ tục hành chính (TTHC) hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu.	%	50	80	Vụ Pháp chế
2	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu.	%	50	80	Vụ Pháp chế
3	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID.	%	50	100	Cục Chuyển đổi số
4	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công	%	80	90	Cục Chuyển đổi số
5	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công.	%	95		Cục Chuyển đổi số
6	Tích hợp hệ thống Trung tâm điều hành thông minh với hệ thống Trung tâm dữ liệu dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	%	100		Cục Chuyển đổi số
7	Tỷ lệ các thủ tục hành chính, dịch vụ công được nộp hồ sơ "phi địa giới".	%	100		Vụ Pháp chế
8	Phân cấp giải quyết TTHC để bảo đảm cấp Bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số TTHC thuộc lĩnh vực quản lý.	%	30		Vụ Pháp chế
9	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công.	%	60	80	Cục Chuyển đổi số
10	Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản.	%	100		Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Chuyển đổi số

Phụ lục II

**NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 826/QĐ-TTG NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM 2026 CỦA
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH
ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ
PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
I	Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư				
1.1	Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công đề xuất sửa đổi, bổ sung để khuyến khích phát triển công dân số.	Vụ Pháp chế	Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ	Tháng 3/2027	Văn bản pháp luật được rà soát, sửa đổi, bổ sung
1.2	Phối hợp với Bộ Công an trong quá trình xây dựng Nghị định quy định về định danh địa điểm	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; Cục Quản lý đất đai; Cục Chuyển đổi số		Tháng 6/2026	Nghị định quy định về định danh địa điểm được ban hành.
II	Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến				
2.1	Công bố các trường thông tin trong CSDL được khai thác và hướng dẫn phương thức, quy trình kết nối chia sẻ, khai thác, sử dụng để thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ	Các đơn vị chủ quản CSDL quốc gia, chuyên ngành	Cục Chuyển đổi số	Thực hiện thường xuyên.	Quyết định của Bộ trưởng công bố các trường thông tin trong CSDL phục vụ giải quyết TTHC.

STT	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
	thủ tục hành chính.				
2.2	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP) theo hướng dẫn của Bộ Công an.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị chủ quản CSDL quốc gia, chuyên ngành	Thực hiện thường xuyên (hoàn thành kết nối trong năm 2026)	
2.3	Nâng cấp hệ thống giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo cắt giảm theo mức độ hình thành, sẵn sàng của dữ liệu, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, ứng dụng VNeID.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ có thủ tục hành chính	Tháng 12/2027	Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính được nâng cấp tích hợp với CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, Cổng DVCQG và ứng dụng VNeID
III	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội				
3.1	Ban hành danh mục nền tảng, sản phẩm số thuộc ngành, lĩnh vực tích hợp, ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Tháng 3/2027	Quyết định của Bộ trưởng ban hành Danh mục nền tảng, sản phẩm số ngành nông nghiệp và môi trường được ban hành, bảo đảm tích hợp và ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh.
IV	Phục vụ phát triển công dân số				
4.1	Khẩn trương tích hợp các tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn trên nền tảng Bình dân học vụ số.	Vụ Tổ chức cán bộ; Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thực hiện thường xuyên	Học liệu về các lĩnh vực được tích hợp lên nền tảng Bình dân học vụ số
4.2	Triển khai các khóa đào tạo công dân số	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị trực	Thực hiện	Các khóa đào tạo trên nền

STT	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
	trên nền tảng "bình dân học vụ số".	bộ; Cục Chuyển đổi số; Các Trường (được giao triển khai công tác đào tạo).	thuộc Bộ	thường xuyên	tăng học tập trực tuyến
4.3	Bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Thực hiện thường xuyên	Người yếu thế được hưởng các chính sách miễn giảm thuế, phí trong các hoạt động đời sống xã hội
4.4	Tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền về các chính sách miễn giảm thuế, phí hỗ trợ người yếu thế; phát triển công dân số và xây dựng, kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường	Văn phòng Bộ; Báo Nông nghiệp và Môi trường; Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố	Thực hiện thường xuyên	
V	Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu				
5.1	Ban hành trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu các lĩnh vực chuyên ngành (đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định các trường thông tin tham chiếu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài).	Các đơn vị chủ quản CSDL quốc gia, chuyên ngành	Cục Chuyển đổi số	Quý I/2027	Quyết định của Bộ trưởng ban hành Danh mục trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu (bảo đảm cập nhật lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung và kết nối với CSDLQG về dân cư).
5.2	Khẩn trương hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên	Các đơn vị chủ quản CSDL quốc	Cục Chuyển đổi số; các đơn vị	Năm 2026	CSDL quốc gia, chuyên ngành được hoàn thành, kết

STT	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
	ngành theo Kế hoạch 02- KH/BCĐTW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 214/NQ- CP - đảm bảo "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".	gia, chuyên ngành	liên quan; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố.		nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.
VI	Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành				
6.1	Hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của Bộ để kết nối, chia sẻ thông tin về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	Cục Chuyển đổi số	Văn phòng Bộ; Các đơn vị chủ quản CSDL quốc gia, chuyên ngành.	Tháng 12/2026	Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của Bộ được hoàn thiện, kết nối, đồng bộ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành
VII	An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội				
7.1	Triển khai kết nối với hệ thống định danh điện tử, hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội để chi trả lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản chi trả khác của cơ quan nhà nước đến người dân.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ liên quan	Tháng 2/2027	Các Hệ thống thông tin/CSDL được kết nối.
7.2	Đồng bộ dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo về hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ chi trả an sinh xã hội.	Văn phòng quốc gia về giảm nghèo. Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực thuộc Bộ liên quan; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố.	Thực hiện thường xuyên	CSDL hộ nghèo, cận nghèo được kết nối, đồng bộ về Kho dữ liệu tổng hợp về an sinh xã hội, việc làm, thất nghiệp phục vụ phân tích, dự báo
VIII	Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống, nền tảng kết nối				
8.1	Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị trực	Thực hiện	Các hệ thống, thiết bị được

STT	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
	an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.	số	thuộc Bộ	thường xuyên	rà soát, triển khai đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật.
8.2	Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh, xác thực điện tử.	Cục Chuyển đổi số; Các đơn vị chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh, xác thực điện tử.	Các đơn vị liên quan.	Thực hiện thường xuyên	Đánh giá, phòng ngừa, khắc phục về bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh, xác thực điện tử.
IX	Hợp tác quốc tế				
9.1	Tăng cường hợp tác quốc tế về an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi số để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các tổ chức, quốc gia khác.	Cục Chuyển đổi số; Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan	Thực hiện thường xuyên	Tổ chức trao đổi, hợp tác quốc tế liên quan đến an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi số.
X	Kiểm tra, giám sát				
10.1	Phối hợp với Bộ Công an thực hiện kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các Bộ, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.	Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị chủ quản CSDL quốc gia, chuyên ngành	Thực hiện thường xuyên	Các CSDL được kiểm tra đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.
10.2	Kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên	Vụ Pháp chế;	Các đơn vị trực	Thực hiện	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
	chức trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.	Cục Chuyển đổi số	thuộc Bộ có thủ tục hành chính	thường xuyên	
10.3	Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại các Phiên họp Thường kỳ Chính phủ hàng tháng.	Vụ Pháp chế; Cục Chuyển đổi số	Các đơn vị liên quan	Thực hiện thường xuyên	